

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3063/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 3 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2013

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết số 32/2012/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ tư về dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2012/QH13 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ tư về phân bổ ngân sách trung ương năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2013 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Căn cứ dự toán ngân sách năm 2013 được giao, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 như sau:

- Sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm cả dự toán và trong tổ chức thực hiện).

- Thực hiện tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương);

- Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2013 (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, kinh phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ, khám chữa bệnh).

Đối với một số địa phương khó khăn, tỷ lệ tự cân đối chi từ nguồn thu của địa phương thấp, số tăng thu hàng năm nhỏ và các địa phương khi thực hiện cải cách tiền lương có khó khăn về nguồn do không điều hòa được tăng thu giữa các cấp ngân sách của địa phương, Bộ Tài chính sẽ xem xét cụ thể khi thẩm định nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương, từ đó xác định số cần bổ sung từ ngân sách trung ương để thực hiện điều chỉnh tiền lương tối thiểu trong năm 2013 và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3: Ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên như đã nêu tại Điều 2, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách trước khi giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

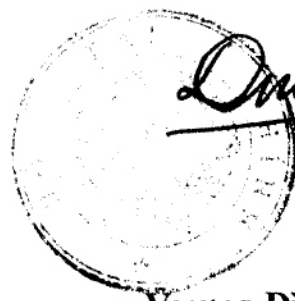
Điều 4: Dự toán thu, chi ngân sách năm 2013 được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước ngày 10/12/2012 và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Chậm nhất 5 ngày sau khi dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính kết quả quyết định và giao dự toán ngân sách năm 2013 của các địa phương.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục thuế, KBNN, Cục Hải Quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. 480

BỘ TRƯỞNG



Vương Đình Huệ



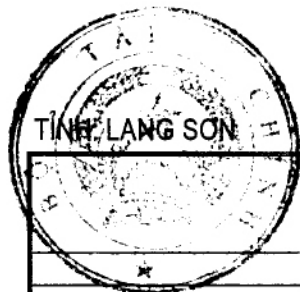
PHIẾM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013

TỈNH: LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 3/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

| NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2013 |
|--|-------------------------|
| 1 | 2 |
| <u>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I + II)</u> | <u>3.268.000</u> |
| <u>I- THU NỘI ĐỊA</u> | <u>818.000</u> |
| <u>1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý</u> | <u>147.200</u> |
| - Thuế giá trị gia tăng | 119.000 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.000 |
| - Thuế tài nguyên | 20.000 |
| - Thuế môn bài | 170 |
| - Thu hồi vốn và thu khác | 30 |
| <u>2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý</u> | <u>50.000</u> |
| - Thuế giá trị gia tăng | 35.000 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.000 |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước | 3.500 |
| - Thuế tài nguyên | 2.000 |
| - Thuế môn bài | 230 |
| - Thu hồi vốn và thu khác | 270 |
| <u>3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</u> | <u>7.000</u> |
| - Thuế giá trị gia tăng | 6.000 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 700 |
| - Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển | 150 |
| - Thuế môn bài | 60 |
| - Các khoản thu khác | 90 |
| <u>4. Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh</u> | <u>350.000</u> |
| - Thuế giá trị gia tăng | 316.700 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 14.000 |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước | 1.800 |
| - Thuế tài nguyên | 3.000 |
| - Thuế môn bài | 9.000 |
| - Thu khác ngoài quốc doanh | 5.500 |
| <u>5. Lệ phí trước bạ</u> | <u>64.000</u> |
| <u>6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</u> | <u>3.000</u> |
| <u>7. Thuế thu nhập cá nhân</u> | <u>29.000</u> |
| <u>8. Thuế bảo vệ môi trường</u> | <u>52.000</u> |
| <u>9. Thu phí, lệ phí</u> | <u>32.000</u> |
| - Phí, lệ phí trung ương | 14.500 |
| - Phí, lệ phí địa phương | 17.500 |
| Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản | 7.000 |



Đơn vị: Triệu đồng

| NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2013 |
|--|-------------------------|
| 1 | 2 |
| 10. Tiền sử dụng đất | <u>48.000</u> |
| 11. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước | <u>10.000</u> |
| 12. Thu khác ngân sách | <u>25.000</u> |
| 13. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, tại xã | <u>800</u> |
| <u>II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</u> | <u>2.450.000</u> |
| 1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT hàng hoá nhập khẩu | <u>711.000</u> |
| 2. Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu | <u>1.739.000</u> |



NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

TỈNH: LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 3/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

| <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Dự toán năm 2013</i> |
|---|-------------------------|
| <u>A/ Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)</u> | <u>5.276.334</u> |
| <i>Gồm:</i> | |
| <u>I- Chi cân đối NSDP</u> | <u>4.373.737</u> |
| 1- Chi đầu tư phát triển (1) | 294.600 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| - Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề | 59.000 |
| - Chi khoa học và công nghệ | 10.000 |
| a- Chi đầu tư XDCB vốn trong nước | 245.600 |
| b- Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất | 48.000 |
| 2- Chi thường xuyên (2) | 3.980.017 |
| a- Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề | 1.915.294 |
| b- Chi khoa học và công nghệ | 12.980 |
| c- Chi sự nghiệp hoạt động môi trường | 23.560 |
| 3- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương | 1.400 |
| 4- Dự phòng ngân sách | 97.720 |
| <u>II- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia, một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác</u> | <u>902.598</u> |
| 1- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia | 239.205 |
| 2- Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước (3) | 70.000 |
| 3- Chi đầu tư thực hiện các chương trình, dự án quan trọng và một số nhiệm vụ khác | 349.221 |
| 4- Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách theo chế độ quy định | 244.172 |
| <u>B/ Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho NSDP đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương</u> | <u>100</u> |
| <u>C/ Số bổ sung từ NSTW cho NSDP</u> | <u>4.472.954</u> |



Đơn vị: Triệu đồng.

| <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Dự toán năm 2013</i> |
|--|-------------------------|
| <i>Gồm:</i> | |
| 1- Bổ sung cân đối | 2.541.842 |
| 2- Bổ sung để thực hiện điều chỉnh tiền lương tối thiểu 830.000 đ/tháng, 1.050.000 đ/tháng (4) | 1.028.514 |
| 3- Bổ sung có mục tiêu (5) | 902.598 |

Ghi chú (1) Trong đó:

- Bao gồm chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ công ích và các khoản trả nợ đến hạn phải trả như: các khoản huy động theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN; các khoản vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước để thực hiện các chương trình đầu tư kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn và các khoản huy động khác theo quy định của pháp luật.

- Dự toán chi lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ là mức dự toán chi ngân sách tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để lập Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

(2) Trong đó:

- Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ là chỉ tiêu dự toán chi ngân sách mức tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Lĩnh vực sự nghiệp môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào chỉ tiêu hướng dẫn và tình hình thực tế của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cho phù hợp.

- Bao gồm 10% tiết kiệm tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 là 785 triệu đồng.

(3) Dự toán chi bằng nguồn vốn ngoài nước theo thực tế giải ngân.

(4) Được xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định tiền lương.

(5) Chi tiết theo phụ lục số 3 và phụ lục số 4.

() Đã sử dụng 61.538 triệu đồng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2013 so dự toán năm 2011 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương tối thiểu 1.050.000 đồng/tháng.*

BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2013

TỈNH: LẠNG SON

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 3/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)



Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Dự toán năm 2013 | | | | | | |
|-----|---|------------------|-----------------------|----------------|--------------------|----------------|----------------|----------------|
| | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | | Kinh phí sự nghiệp | | | |
| | | | Tổng số | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước | Tổng số | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước |
| | Tổng số | 239.205 | 110.390 | 4.000 | 106.390 | 128.815 | 1.600 | 127.215 |
| 1. | Chương trình việc làm và dạy nghề (1) | 18.690 | | | | 18.690 | | 18.690 |
| 2. | Chương trình giảm nghèo bền vững | 79.440 | 71.800 | | 71.800 | 7.640 | | 7.640 |
| 3. | Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (2) | 17.105 | 15.315 | 4.000 | 11.315 | 1.790 | 1.600 | 190 |
| 4. | Chương trình y tế | 7.348 | | | | 7.348 | | 7.348 |
| 5. | Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình | 6.226 | | | | 6.226 | | 6.226 |
| 6. | Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm | 2.151 | | | | 2.151 | | 2.151 |
| 7. | Chương trình văn hóa | 6.250 | 1.840 | | 1.840 | 4.410 | | 4.410 |
| 8. | Chương trình giáo dục và đào tạo | 52.940 | | | | 52.940 | | 52.940 |
| 9. | Chương trình phòng, chống ma túy | 8.124 | | | | 8.124 | | 8.124 |
| 10. | Chương trình phòng, chống tội phạm | 910 | | | | 910 | | 910 |
| 11. | Chương trình xây dựng nông thôn mới | 34.039 | 18.399 | | 18.399 | 15.640 | | 15.640 |
| 12. | Chương trình phòng, chống HIV/AIDS | 2.166 | | | | 2.166 | | 2.166 |
| 13. | Chương trình đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo | 3.816 | 3.036 | | 3.036 | 780 | | 780 |

Ghi chú:

(1) Chưa bao gồm vốn vay bổ sung Quỹ quốc gia về việc làm.

(2) Vốn viện trợ bằng tiền thực hiện rút dự toán trong phạm vi dự toán được giao và theo cơ chế tài chính trong nước.



**BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2013**

Tỉnh: Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 3/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

| NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2013 |
|--|-----------------------|
| <u>TỔNG SỐ</u> | <u>663.393</u> |
| <u>I Bổ sung có mục tiêu (Vốn đầu tư xây dựng cơ bản):</u> | <u>419.221</u> |
| <i>Gồm:</i> | |
| 1. Đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước (ODA) (1) | 70.000 |
| 2. Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước | 349.221 |
| <u>II Bổ sung có mục tiêu (Kinh phí sự nghiệp):</u> | <u>244.172</u> |
| 1. Vốn ngoài nước (2) | 7.970 |
| 2. Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt Hội liên hiệp Phụ nữ | 650 |
| 3. Chương trình quốc gia về bình đẳng giới | 465 |
| 4. Chương trình quốc gia an toàn lao động, vệ sinh lao động | 885 |
| 5. Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em | 745 |
| 6. Chương trình hành động phòng, chống mại dâm | 500 |
| 7. Đề án trợ giúp XH và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí | 180 |
| 8. Đề án phát triển nghề công tác xã hội | 528 |
| 9. Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác | 650 |
| 10. Kinh phí thực hiện chương trình bố trí, sắp xếp dân cư | 3.000 |
| 11. Kinh phí khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên | 2.300 |
| 12. Kinh phí học bổng học sinh dân tộc nội trú | 10.375 |
| 13. Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú | 34.984 |
| 14. Hỗ trợ kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ | 19.080 |
| 15. Hỗ trợ kinh phí thực hiện Pháp lệnh công an xã | 4.930 |
| 16. Kinh phí chuẩn bị động viên | 9.000 |
| 17. Hỗ trợ kinh phí xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư | 8.094 |
| 18. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của hội VHNT và Hội nhà báo địa phương | 590 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| - Hỗ trợ Hội Văn học nghệ thuật | 500 |



Đơn vị: Triệu đồng

| NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2013 |
|---|---------------------|
| - Hỗ trợ Hội nhà báo địa phương | 90 |
| 19. Hỗ trợ các dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | 1.250 |
| 20. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đối với đảng bộ cơ sở | 14.830 |
| 21. Hỗ trợ kinh phí tiền ăn trưa mẫu giáo 3 - 5 tuổi | 17.115 |
| 22. Hỗ trợ kinh phí Luật người cao tuổi và chính sách đối với các đối tượng bảo trợ XH | 24.300 |
| 23. Hỗ trợ thực hiện chính sách trợ giá trực tiếp cho người dân tộc thiểu số nghèo | 7.957 |
| 24. Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP | 26.993 |
| 25. Hỗ trợ một số chế độ, chính sách và nhiệm vụ do NSĐP đảm bảo nhưng không đủ nguồn (3) | 46.800 |

Ghi chú:

(1)- Trong đó: chương trình hỗ trợ đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (dự án cải thiện cơ sở hạ tầng trang thiết bị trường học) là 10.080 triệu đồng, thực hiện theo thực tế giải ngân, trong phạm vi dự toán được giao và theo cơ chế chính trong nước; các chương trình dự án còn lại ghi thu ghi chi theo tiến độ giải ngân.

(2)- Vốn ngoài nước đối với chương trình hỗ trợ đảm bảo chất lượng trường học, thực hiện theo thực tế giải ngân, trong phạm vi dự toán được giao và theo cơ chế tài chính trong nước, bao gồm:

- + Dự án xây dựng năng lực cho dạy, học cả ngày là 250 triệu đồng.
- + Dự án quỹ phúc lợi cho học sinh là 3.320 triệu đồng.
- + Quỹ giáo dục nhà trường là 1.220 triệu đồng.
- + Dự án đào tạo và hội thảo là 3.180 triệu đồng.

(3)- Đã bao gồm hỗ trợ thực hiện duy tu, sửa chữa giao thông miền núi; quan hệ đối ngoại biên giới đất liền.